

Vấn đề nợ xấu của các ngân hàng Việt Nam

THS NGUYỄN THỊ DIỆU CHI

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Nợ xấu là bài toán nan giải đối với ngành ngân hàng. Vấn đề này vẫn chưa được xử lý triệt để bởi các khoản nợ chỉ được chuyển từ các ngân hàng sang công ty quản lý nợ (VAMC). Do vậy, trong thời gian tới vấn đề nợ xấu vẫn là một bài toán khó đối với ngành ngân hàng Việt Nam. Bài viết đề cập khái quát thực trạng hệ thống ngân hàng Việt Nam và tình hình nợ xấu thời gian qua, một số khó khăn và điểm đặc thù trong giải bài toán nợ xấu của các ngân hàng trong nước, từ đó chỉ ra một số vấn đề cần xem xét và hướng giải quyết nhằm xử lý triệt để tình trạng nợ xấu của các ngân hàng Việt Nam, hướng tới một nền tài chính ổn định và phát triển trong kỷ nguyên hội nhập.

Từ khóa: nợ xấu, tái cấu trúc, hệ thống ngân hàng.

BAD DEBTS IN VIETNAM'S BANKING

Summary

Bad debt is an unsolvable problem for the banking sector.

This problem has not been thoroughly treated because these debts can only be transferred from the banks Vietnam asset management company (VAMC).

Therefore, in the next time, bad debt will still be a difficult problem for the banking sector in Vietnam. The paper presents the current status of Vietnam banking system and bad debt situation recently, difficulties and specific points in the process of solving this problem in our country, which indicates a number of issues to consider and to resolve thoroughly bad debts in Vietnam's banking sector, towards a stable and developed financial background in the era of integration.

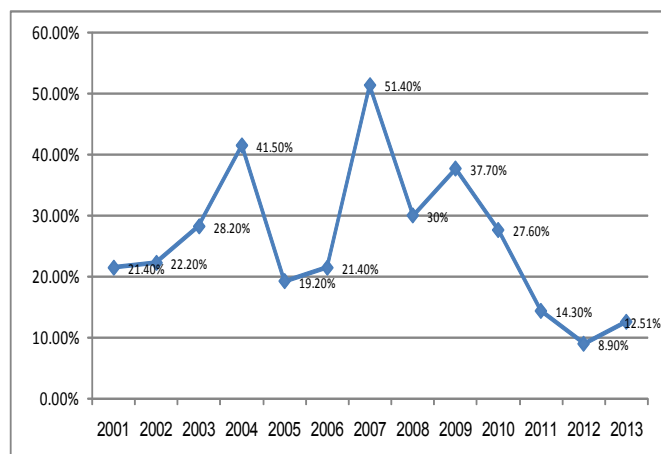
Keywords: bad debt, restructuring, banking system.

Khái quát thực trạng hệ thống ngân hàng và vấn đề nợ xấu

Trong giai đoạn 2011-2013, thị trường tiền tệ liên ngân hàng Việt Nam đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tình trạng không kiểm soát được mặt bằng lãi suất huy động phần nào được ngăn chặn, lãi suất huy động cũng từng bước ổn định. Tính thanh khoản của toàn hệ thống được cải thiện rõ rệt khi mức lãi suất cho vay giảm mạnh từ 17-20% vào cuối năm 2011 xuống còn 8-13% hiện nay. Không chỉ lãi suất của các khoản vay mới giảm, mà lãi suất của các khoản cho vay cũ cũng tiếp tục có xu hướng giảm. Đến cuối năm 2013, lãi suất huy động và cho vay VND trên thị trường giảm 2-5%, tương đương với mức lãi suất trong các năm 2005-2006, điều này từng bước chấm dứt tình trạng cạnh tranh lãi suất trên thị trường. Lãi suất huy động của các tổ chức tín dụng phổ biến: không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng ở mức 1-1,2%/năm, kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng ở mức 5-7%/năm, kỳ hạn 6 tháng đến dưới 12 tháng ở mức 6,5-7,5%/năm, kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 7,5-9%/năm. Lãi suất huy động USD ổn định ở mức 1,25%. Thêm vào đó, cơ cấu tín dụng cũng có sự chuyển biến tích cực theo hướng tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ. Đến 31.12.2013, tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng khoảng 17%, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 24,51%, xuất khẩu tăng 3,32%, công nghiệp hỗ trợ tăng 10,84% so với cuối năm 2012. Các ngân hàng giảm dần tín dụng ngoại tệ và tăng tín dụng VND. Tỷ giá được neo giữ ổn định như cam kết của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN), trong đó NHNN tiếp tục đưa ra mức tỷ giá bình quân thị trường liên ngân hàng và neo biên độ dao động ở mức "cứng" 1% thay vì nới lỏng lên mức 2% hay ban hành các chính sách ổn định tỷ giá có sự điều chỉnh linh hoạt theo giá thị trường.

Ngoài ra, NHNN cũng đã có nhiều biện pháp góp phần kiểm soát được tình hình tín dụng và tổng phương tiện thanh toán, kiểm chế lạm phát theo mục tiêu. Sau thời kỳ tăng trưởng nóng, tổng phương tiện thanh toán năm 2011, 2012 và 2013 chỉ tăng lần lượt 12,5%, 22,5% và

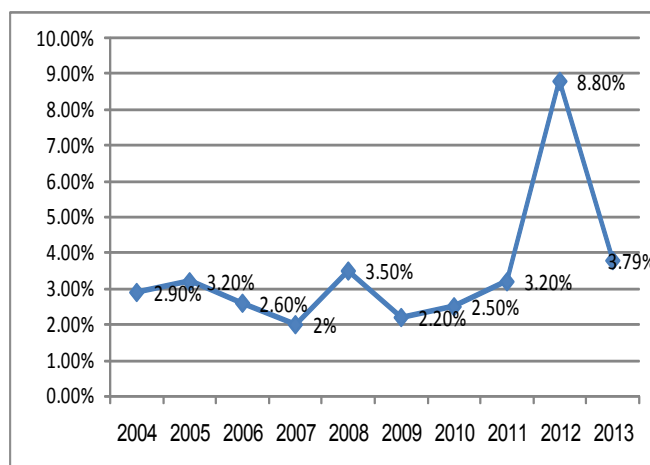
14,64%, lạm phát giảm từ 18,13% vào năm 2011 xuống 6,8% trong năm 2012 và sang tới năm 2013 chỉ còn 6,04%, con số thấp nhất trong 10 năm qua.



Biểu đồ 1: tăng trưởng tín dụng khu vực ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2001 đến 2013
(nguồn: NHNN Việt Nam)

Trong năm 2013, tình hình tín dụng được cải thiện rõ rệt. Nếu tại thời điểm cuối năm 2012 mức tăng trưởng tín dụng là 8,9%, thì cuối năm 2013, mức tăng trưởng tín dụng tăng lên 12,51% so với thời điểm cuối năm 2012. Bên cạnh đó chất lượng và hiệu quả của hoạt động tín dụng đối với nền kinh tế cũng được nâng cao. Thị trường ngoại hối về cơ bản ổn định, thanh khoản ngoại tệ của hệ thống được cải thiện, tỷ lệ tiền gửi ngoại tệ/tổng phương tiện thanh toán tiếp tục giảm, còn 12% (cuối năm 2011 là 15,8%, cuối năm 2012 là 12,36%), dự trữ ngoại hối nhà nước tăng gấp hơn hai lần so với cuối năm 2011. Việc sáp nhập, hợp nhất, mua lại các tổ chức tín dụng đã và đang diễn ra khá mạnh mẽ, chủ yếu thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện và dẫn hướng tới một hệ thống tài chính Việt Nam phát triển bền vững và ổn định hơn. Đến nay, số lượng tổ chức tín dụng giảm đi 6 tổ chức thông qua sáp nhập, hợp nhất, giải thể. NHNN đã thu hồi giấy phép 2 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chuyển đổi hình thức 3 chi nhánh, chuyển đổi Quỹ tín dụng nhân dân trung ương thành Ngân hàng hợp tác xã.

Tuy nhiên, tình hình nợ xấu và phương thức hữu ích để giải quyết triệt để vấn đề này vẫn là một bài toán khó không chỉ của ngành ngân hàng mà của tất cả các ngành chức năng và doanh nghiệp trong nền kinh tế.



Biểu đồ 2: tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2004 đến 2013
(nguồn: NHNN Việt Nam)

Tính đến ngày 31.12.2013, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam là 3,79%, giảm gần 1% so với thời điểm 31.12.2012. Gần 40.000 tỷ đồng nợ xấu đã được VAMC mua lại từ các ngân hàng, đồng thời NHNN cũng đã phát hành trái phiếu đặc biệt mua nợ xấu cho Agribank, SaiGonBank, SHB, PGBank, PhuongNamBank, VietABank và Techcombank, và trong năm 2014 này, VAMC dự định sẽ tiếp tục mua thêm khoảng 70.000-100.000 tỷ đồng nợ xấu bằng loại trái phiếu đặc biệt này. Mặc dù đã có những quyết định kịp thời trong công tác xử lý nợ xấu tại các ngân hàng, nhưng thực chất tình hình nợ xấu vẫn chưa được giải quyết triệt để, tỷ lệ nợ xấu hiện là 3,79%, và con số tuyệt đối tương ứng là 131.788 tỷ đồng. Nếu xem xét diễn biến của tình hình nợ xấu hiện nay thì việc nợ xấu giảm tốc độ tăng chưa phải là một tín hiệu đáng mừng bởi các con số nợ xấu theo báo cáo của NHNN thường căn cứ theo các báo cáo của các ngân hàng, trong khi đó tính minh bạch về công bố thông tin tại nhiều ngân hàng Việt Nam lại là một vấn đề đáng bàn. Bởi nếu tính theo tốc độ tăng trưởng tín dụng hay việc mở rộng cho vay tăng lên, con số tuyệt đối của nợ xấu cũng sẽ phải tăng lên, do những rủi ro luôn có và luôn đi cùng trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng. Do vậy, thực chất số nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện còn cao hơn rất nhiều con số được công bố.

Những khó khăn đặc thù trong quá trình xử lý các khoản nợ xấu tại các ngân hàng

Qua quan sát diễn biến tình trạng nợ xấu tại các ngân hàng Việt Nam thời gian qua cho thấy, thực

chất tình hình vẫn chưa có dấu hiệu khả quan hơn, bởi tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng giảm đi chỉ là do khoản nợ được chuyển từ các ngân hàng sang VAMC. Mặc dù việc mua lại nợ của VAMC từ các ngân hàng được coi là đã thực hiện khá thành công khi giúp nhiều ngân hàng loại bỏ được những món nợ lớn, nhưng chính động thái mua lại nợ không theo giá trị thị trường của VAMC, mà chỉ căn cứ vào giá trị sổ sách trả cho các ngân hàng thương mại (NHTM) bằng loại trái phiếu không lãi suất, không thời gian đáo hạn cấp từ NHNN đã khiến VAMC chỉ như một công cụ xử lý nợ xấu không triệt để, tạo một dòng tiền ảo thay vì một dòng tiền thực để giúp khơi thông lượng tiền ứ đọng. Như vậy, vấn đề nợ xấu của nền kinh tế Việt Nam thực ra vẫn không hề mất đi, mà chỉ là sự thay đổi nơi cất trữ. Do đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam nói chung và các ngân hàng Việt Nam nói riêng vẫn loay hoay tìm lời giải đáp cho bài toán nợ.

Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận một số khó khăn trong việc xử lý các khoản nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam do những tác động bởi đặc điểm riêng của thị trường Việt Nam.

Một là, nợ xấu của Việt Nam liên quan đến lĩnh vực bất động sản chiếm tỷ trọng lớn, trong khi đó, thị trường bất động sản lại đang suy giảm mạnh. Đây là nguy cơ làm tăng khả năng mất vốn của các ngân hàng đối với các khoản cho vay lĩnh vực bất động sản. Bên cạnh đó, một đặc điểm nữa là trong các khoản nợ của lĩnh vực bất động sản mà các ngân hàng cho vay thời gian trước, nhiều khoản thế chấp là các dự án còn nằm trên giấy, không phải là các dự án đã hoàn thành. Do vậy, khi khủng hoảng xảy ra, chủ đầu tư không có cơ sở bán tất toán. Ngoài ra, thời gian qua, nhiều bất động sản cũng đã bị đẩy giá lên quá cao so với giá trị thật, do vậy, độ rủi ro của chúng cũng tương tự như chúng khoán được hình thành từ các khoản vay thế chấp bất động sản dưới chuẩn, chứ không phải là độ rủi ro của chính các khoản vay này.

Hai là, tỷ trọng nợ xấu của các NHTM lại tập trung quá lớn trong khối các NHTM nhà nước, chiếm 48,6% tổng nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Nguyên nhân xuất phát là do thực tế các NHTM nhà nước vừa phải thực hiện nhiệm vụ, vừa lại có mối liên hệ chặt chẽ với nhiều tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp này hiện đang vay tới 80% tổng số dư nợ của ngân hàng.

Do vậy, nhiều dự án mà các NHTM nhà nước cho vay không được căn cứ theo các quy định về đảm bảo rủi ro tín dụng, cũng như những quy định khắt khe về thẩm định dự án đầu tư trước khi giải ngân. Thêm vào đó, nhiều dự án được cấp tín dụng nhờ có sự can thiệp, bảo lãnh và chỉ đạo trực tiếp từ phía Chính phủ, nên việc các ngân hàng cho vay mà không tính toán tới tính khả thi của dự án, chỉ dựa hoàn toàn vào sự đảm bảo từ phía Chính phủ là nguyên nhân của tình trạng nợ xấu tăng cao hiện nay.

Ba là, vấn đề sở hữu chéo giữa các ngân hàng cũng đang gây nên những ảnh hưởng lớn trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Theo thống kê, hiện tại có khoảng gần 40 doanh nghiệp nhà nước và tư nhân có sở hữu trên 5% tại các ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP). Hầu hết các tập đoàn kinh tế nhà nước đều có các công ty tài chính. Mối quan hệ giữa ngân hàng TMCP với các tập đoàn tư nhân cũng ngày càng trở nên phức tạp. Thậm chí, nhiều ngân hàng được sở hữu bởi rất nhiều công ty gia đình hoặc các thành viên gia đình đồng thời là lãnh đạo ở các doanh nghiệp khác. Một trong những vấn đề nghiêm trọng của tình trạng sở hữu chéo là cản trở công tác đảm bảo an toàn hoạt động do NHNN ban hành theo Nghị định 141/2006/NĐ-CP, quy định về vốn điều lệ thực góp của các ngân hàng phải đạt 1.000 tỷ đồng vào năm 2008 và 3.000 tỷ đồng vào năm 2010. Thông qua sở hữu chéo, cổ đông ngân hàng A có thể vay tiền ngân hàng B để góp vốn vào ngân hàng A, và ngược lại. Hoạt động đi vay giữa các tổ chức có sở hữu chéo sẽ tạo nên tình trạng tăng vốn ảo trong các ngân hàng với nhau, do vậy quy định về giới hạn tín dụng theo quy định hiện hành sẽ bị sở hữu chéo làm vô hiệu, hay các quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ của ngân hàng cũng sẽ bị vấn đề sở hữu chéo làm cho khó kiểm soát và xử lý.

Vấn đề đặt ra trong xử lý nợ xấu của các ngân hàng Việt Nam

Thứ nhất, đối với vấn đề nợ xấu trong lĩnh vực bất động sản, cách tốt nhất không phải là hỗ trợ để cứu lấy ngành bất động sản, mà điều quan trọng là phải thực hiện triệt để để án tái cấu trúc hệ thống ngân hàng và quan trọng hơn nữa là bản thân ngành bất động sản phải tự cứu lấy mình theo quy tắc của thị trường. Bởi khi hệ thống ngân hàng và mỗi ngân

hàng hoạt động ổn định, bản thân nó sẽ hỗ trợ được cho các doanh nghiệp bất động sản, cũng như giúp các doanh nghiệp này phục hồi kinh doanh để thu hồi vốn. Ngoài ra, đối với dự án bất động sản còn nằm trên giấy, các ngân hàng phải tuyệt đối không tiếp tục cấp tín dụng mà dành sự ưu tiên cho các khoản vay phát triển dự án bất động sản đáp ứng nhu cầu thực sự. Ngoài ra, NHNN có thể hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng đang có khoản nợ xấu bất động sản thông qua tạo điều kiện cho ngân hàng mạnh mua lại ngân hàng đang gặp vấn đề, để rồi các ngân hàng thỏa thuận với người vay để có một giải pháp đảm bảo người vay vẫn có thể trả nợ dần mà không bị xiết nợ đến bị tịch thu tài sản hay phải tuyên bố phá sản.

Thứ hai, các ngân hàng có thể thực hiện việc cơ cấu lại các khoản nợ thông qua giãn thời gian trả nợ đối với những khách hàng đang gặp khó khăn tạm thời nhưng có triển vọng kinh doanh khi giải quyết được nợ xấu. Hay, các ngân hàng có thể thực hiện chuyển đổi các khoản nợ kỳ hạn ngắn sang kỳ hạn dài, trong đó vẫn tiếp tục cấp tín dụng cho các dự án có tài sản đảm bảo là bất động sản, nhằm tăng vòng quay vốn, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có thể trả lãi và vốn. Tuy nhiên, ngân hàng cũng chỉ nên chấp nhận một tỷ lệ nợ xấu nhất định ở mức dưới 3% trong tổng dư nợ, bởi với một thị trường rủi ro như Việt Nam, tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng lớn hơn con số 3% sẽ có nguy cơ gây nên sự đổ vỡ lớn do nợ xấu ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận và nguồn vốn của chủ sở hữu. Ví dụ, một ngân hàng có số nợ xấu 500 triệu đồng, nợ xấu thuộc nhóm 4 (nhóm nợ xấu được trích nguồn tiền dự phòng rủi ro 50%), tài sản thế chấp 200 triệu đồng, khi đó số nợ xấu còn lại 300 triệu đồng, 300 triệu đồng trừ đi 50% từ nguồn dự trữ rủi ro, 150 triệu đồng bán lại cho VAMC. Tuy nhiên, 150 triệu đồng trích từ quỹ dự phòng rủi ro sau đó sẽ được ngân hàng lấy từ lợi nhuận của năm kinh doanh đó. Giả sử trong trường hợp lợi nhuận năm đó của ngân hàng không đủ thì buộc ngân hàng phải lấy từ nguồn vốn chủ sở hữu, và đây chính là điều nguy hiểm. Ngoài ra, ngân hàng cũng cần phải chủ động tự xử lý các khoản nợ như bán nợ, thanh lý tài sản thế chấp, trích lập dự phòng bù đắp rủi ro nợ không thể thu hồi...

Thứ ba, rất cần thiết có sự chỉ đạo quyết liệt và vai trò là “người điều tiết và hỗ trợ thị trường” của

NHNN. NHNN cần triệt để thực hiện đề án cải tổ ngành ngân hàng, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động trong hệ thống ngân hàng, hỗ trợ và có chỉ đạo kịp thời đối với các ngân hàng trong các trường hợp khẩn cấp như cấp tín dụng, phân loại nợ, và trích lập dự phòng rủi ro nợ khó thu hồi để có hướng giải quyết kịp thời, tránh dẫn tới tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng tiếp tục tăng cao.

Mục tiêu lớn nhất của của hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay là xử lý triệt để vấn đề nợ xấu nhằm hướng tới một nền tảng tài chính ổn định, là cơ sở nền tảng cho sự phát triển của mọi ngành nghề, lĩnh vực trong nền kinh tế. Tuy nhiên, để có thể xử lý triệt để vấn đề này, cần có sự vào cuộc của nhiều các cơ quan ban ngành như: NHNN, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư... và trách nhiệm liên đới của bản thân các doanh nghiệp trong công tác giải quyết triệt để vấn đề nợ xấu của nền kinh tế. Đây là một vấn đề lớn nên không thể nóng vội trong quyết định và hành động, chúng ta cần tính toán kỹ lưỡng từng bước hành động để tránh những sai lầm, từ đó hướng tới xây dựng được một hệ thống ngân hàng phát triển lành mạnh, làm nền tảng cho việc tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế trong thời gian tới ■

Tài liệu tham khảo

1. Harry Hoan Tran, Thuan Nguyen FCCA: “Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam theo hướng nào”, Công ty Stox Plus, Việt Nam, 2011.
2. PGS.TS Nguyễn Thị Mùi (2012): “Tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nên đặt trọng tâm vào sự phát triển bền vững”, Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực VietinBank.
3. PGS.TS Tô Ngọc Hùng (2012): “Thực trạng và giải pháp để phát triển bền vững hệ thống NHTM Việt Nam”, Tạp chí Ngân hàng, tháng 11.2012.
4. TS Đặng Thị Ngọc Lan (2012): “Giải pháp trọng tâm tái cơ cấu hệ thống NHTM”, Tạp chí Tài chính số 12.2012.
5. “Đề án tái cơ cấu hệ thống tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 1.3.2013 - điều 4, mục II, phần B.